

Bản án số: 39/2017/HSST

Ngày: 29/6/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Bùi Thị Việt Hà**

2. Ông: **Lưu Tuấn Cường**.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đỗ Mạnh Huy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Hoài Ngân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở TAND huyện M, tỉnh Điện Biên. TAND huyện M mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 36/2017/ HSST ngày 25 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Hữu N**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1981, tại huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKNKTT: T9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: T9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: **Trần Hữu V** sinh năm 1955 và con bà **Phạm Thị Q** sinh năm 1953; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền sự: Không; Tiền án: 02 tiền án về tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Trộm cắp tài sản; Bị cáo bị bắt tạm giam, tạm giữ từ ngày 12/4/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Hiện tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện M. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:** Họ và tên: **Hoàng Xuân T**. Sinh năm: 1978.

Nơi cư trú: T10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(vắng mặt tại phiên tòa)

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị H**; Sinh năm: 1949.

Nơi cư trú: T7, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Trần Hữu V**; Sinh năm: 1955.

Nơi cư trú: T9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: Phạm Thị Q; Sinh năm: 1953.
Nơi cư trú: T9, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.
(Có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: Vũ Văn H; Sinh năm: 1986.
Nơi cư trú: SN 81, T9, phường N, TP.Đ, tỉnh Điện Biên.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

***Người làm chứng:**

1. Họ và tên: Hoàng Xuân C. Sinh năm: 1973.
Nơi cư trú: T10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Trần Văn H. Sinh năm: 1979.
Nơi cư trú: Bản K, xã Ā, huyện M, tỉnh Điện biên.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY

Bị cáo Trần Hữu N bị Viện kiểm sát huyện M, tỉnh Điện Biên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 11/02/2017 Trần Hữu N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B1-29656 đi chơi trên đường Quốc lộ 279, ở khu vực thị trấn M, khi đi tới nhà anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1978, ở T10, thị trấn M, huyện M, thì N nhìn thấy cửa phía trước nhà hé mở, N dừng xe rồi dựng ở mép đường Quốc lộ 279, sau đó đi bộ đến, quan sát trong nhà không có người, gian ngoài cùng có nhiều bao thóc để cạnh cửa nên N đã nảy sinh ý định lấy trộm đem đi bán, N nhẹ nhàng đẩy rộng cửa và lén lút đi vào trong nhà bê một bao tải xác rắn màu vàng trị giá 1.000 đồng bên trong có 52 Kg thóc tẻ bao thai trị giá 338.000 đồng, mang ra ngoài để lên yên xe, sau đó quay lại kéo cửa. Khi N thực hiện hành vi phạm tội thì anh Trần Văn H, sinh năm 1979, trú tại bản K, xã Ā, huyện M và anh Hoàng Xuân C, sinh năm 1973, trú tại T10, thị trấn M, huyện M, đứng ở gần đó nhìn thấy và sau khi N chở bao thóc đi, thấy khả nghi nên hai anh C và H đã đến báo gia đình anh T biết và anh T đã nhờ C và H đi tìm N để lấy lại tài sản.

Sau khi lấy trộm bao thóc, N chở đến bán cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949, ở T7, thị trấn M, huyện M được 320.000 đồng rồi lại tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến chơi ở khu vực bản P, xã Ā, huyện M đi đến giữa đường N dừng xe ở quán tạp hóa để mua thuốc lá thì bị anh C và anh T giữ xe máy và yêu cầu N trả lại tài sản nhưng N đã bỏ đi, sau đó tiêu hết số tiền bán thóc vào mục đích cá nhân.

Không đòi lại được tài sản, anh T đã trình báo sự việc và giao nộp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B1-29656 cho Công an thị trấn M. Cùng ngày, Công an thị trấn M đã triệu tập N lên để làm rõ sự việc. Đến ngày 10/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với N nhưng N đã đi khỏi địa phương đến ngày 12/4/2017 thì ra đầu thú.

Ngày 10/3/2017, cơ quan CSĐT Công an huyện M quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Hữu N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 22/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện M, tỉnh Điện Biên đã kết luận: Một Bao xác rắn đã qua sử dụng, giá trị tại thời điểm định giá là: 1.000 Đồng và 52 kg Thóc bao thai, giá trị tại thời điểm định giá là: 338.000 đồng. Tổng giá trị của một bao xác rắn và 52 Kg Thóc bao thai là: 339.000 đồng (Ba Trăm ba mươi chín nghìn đồng).

Tại cáo trạng số: 24/QĐ-VKS-HS ngày 24/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện M để xét xử bị cáo Trần Hữu N về tội “trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo N; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 5 điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46; điểm g khoản 1 điều 48 BLHS. Xử phạt Trần Hữu N từ 15 tháng đến 20 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 2 điều 41; điểm b khoản 2 điều 76 BLTTHS. Trả lại cho ông Trần Hữu V và bà Phạm Thị Q chiếc xe mô tô loại SIRIUS, nhãn hiệu YAMAHA, màu đỏ đen, vành đúc, biển kiểm soát 27B1-29656.

Áp dụng khoản 2 điều 99 BLTTHS và điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Trần Hữu N phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo N nhất trí nội dung cáo trạng đã truy tố bị cáo, cũng như nội dung bản luận tội, bị cáo không tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện, đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa bị cáo Trần Hữu N đã khai và công nhận: Ngày 11/02/2017, tại T10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên, bị cáo lợi dụng lúc vắng người đã lén lút vào gia đình anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1978, trộm cắp một bao tải xác rắn màu vàng bên trong có 52 kg thóc tẻ bao Thai, tổng trị giá 339.000đ (ba trăm ba mươi chín nghìn đồng). Lời khai nhận tội của bị cáo trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, cũng như cáo trạng số 24/QĐ-VKS-HS ngày 24/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố.

Hội đồng xét xử xét thấy, hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản với mục đích bán lấy tiền chi tiêu cá nhân của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền một cách nhanh chóng, thoả mãn cho nhu cầu của bản thân, bị cáo đã bất chấp pháp luật đi vào con đường phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp một bao thóc có giá trị 339.000đ (ba trăm ba mươi chín nghìn đồng), về giá trị tài sản bị cáo N chiếm đoạt dưới hai

triệu đồng nhưng bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên đây là tình tiết định tội theo qui định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 điều 138 BLHS, điều luật quy định: "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*". Do vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ pháp lý để xét xử bị cáo Trần Hữu N về tội “trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Trần Hữu N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi vi phạm của mình, vì vậy phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm mà bị cáo gây ra.

Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng, gây nguy hại không lớn cho xã hội, vì vậy buộc bị cáo phải chịu hình phạt tương ứng theo quy định tại khoản 3 điều 8 BLHS có khung hình phạt đến 3 năm tù.

Xét về hậu quả hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra thấy rằng, giá trị tài sản do bị cáo chiếm đoạt tuy không lớn, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự trị an và an toàn trên địa bàn dân cư. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là cần thiết để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người sống có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung, tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu nói riêng trên địa bàn.

Xét về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Trần Hữu N thấy rằng: Bị cáo là người có nhận thức pháp luật, bị cáo sinh ra và lớn lên tại huyện M, tỉnh Điện Biên được bố mẹ nuôi cho ăn học hết lớp 10/12 thì nghỉ học ở nhà lao động sản xuất cùng gia đình. Năm 2004 bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, xét xử phúc thẩm, xử phạt 24 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đến ngày 20/8/2014 mới chấp hành xong khoản tiền án phí phúc thẩm; ngày 23/6/2014 bị khởi tố về tội “trộm cắp tài sản”, đến ngày 23/9/2014 bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Điện Biên xử phạt 15 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, ngày 06/10/2015 chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo chưa được xóa án tích của hai bản án trên. Sau khi bị cáo chấp hành án xong về địa phương, bị cáo không tu dưỡng rèn luyện bản thân, lười lao động lại muốn có tiền một cách nhanh chóng mà không phải bỏ công sức lao động nên đã cố tình đi vào con đường phạm tội trong khi chưa được xóa án tích, bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 BLHS. Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm trên địa bàn. Khi bị phát hiện hành vi trộm cắp bị cáo bỏ trốn, sau đó bị cáo ra đầu thú, tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, nên khi quyết định hình

phạt Hội đồng xét xử cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 BLHS.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo N là lao động tự do, có thu nhập không ổn định nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng.

Đối với bà Nguyễn Thị H là người mua bao thóc của Trần Hữu N vào ngày 11/02/2017, vì không biết bao thóc N trộm cắp mà có, do vậy không đủ cơ sở kết luận bà H vi phạm về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về vật chứng: Ngày 20/4/2017, cơ quan CSĐT Công an huyện M đã trả lại tài sản (01 bao thóc, loại thóc bao thai, được đựng trong một bao tải xác rắn màu vàng miệng bao được khâu bằng một sợi dây màu đỏ, nặng 52 Kg) cho anh Hoàng Xuân T là người bị hại trong vụ án đúng theo qui định của pháp luật là phù hợp.

Đối với xe mô tô loại SIRIUS, nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 27B1-296.56, đăng ký xe mang tên Trần Hữu N. Đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội. Nhưng nguồn gốc chiếc xe là do bố mẹ bị cáo là ông V, bà Q tích góp tiền để mua làm phương tiện dùng chung cho cả gia đình, khi mua xe do bố mẹ bị cáo là người trả tiền và đã cao tuổi nên khi đăng ký xe ông bà V – Q để cho bị cáo đứng tên, khi bị cáo N dùng chiếc xe vào việc trộm cắp ông bà V, Q không biết, lẽ ra Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ Nhà nước một phần giá trị chiếc xe. Xét công sức đóng góp của bị cáo trong việc tạo lập tài sản là chiếc xe máy của bị cáo là không có, vì bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định, bị cáo là người nghiện sử dụng ma túy, mới chấp hành án xong trở về địa phương, bị cáo đứng tên đăng ký xe là để tiện cho việc đi lại vì bố mẹ bị cáo đã cao tuổi, không sử dụng được xe, nếu có đi đâu thì bị cáo đi. Hội đồng xét xử xác định chiếc xe máy do bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội là tài sản chung của gia đình bị cáo căn cứ vào điều 209, điều 212 Bộ luật dân sự 2015 trả lại chiếc xe mô tô loại SIRIUS, nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 27B1-296.56, đăng ký xe mang tên Trần Hữu N là vật chứng của vụ án cho người quản lý hợp pháp là ông V, bà Q.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là Hoàng Xuân T đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì đối với bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H đã nhận đủ số tiền 320.000đ mua bao thóc của bị cáo từ gia đình của bị cáo, không có yêu cầu đề nghị gì khác đối với bị cáo. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo N phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người sống có ích cho gia đình và xã hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn, hối cải, tại phiên tòa bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm được

trở về với gia đình và xã hội nên khi quyết định hình phạt cũng cần có sự khoan hồng nhất định, thể hiện tính nhân đạo trong pháp luật của nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trần Hữu N phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 và điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Hữu N 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt 12/4/2017.

2. Vật chứng: Áp dụng khoản 2 điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3 điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc trao trả tài sản giữa cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện M với người bị hại trong vụ án là anh Hoàng Xuân T *(theo biên bản trả lại tài sản ngày 20/4/2017 của cơ quan điều tra - Công An huyện M với anh Tiến)*.

Trả lại cho ông Trần Hữu V và bà Phạm Thị Q là người quản lý hợp pháp 01 xe mô tô loại SIRIUS, nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 27B1-296.56, số máy 5C6K – 201588, số khung RLCS5C6K0 FY201599, đăng ký xe mang tên Trần Hữu N, xe cũ đã qua sử dụng. *(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/5/2017 của cơ quan Công an huyện M và cơ quan Thi hành án huyện M, tỉnh Điện Biên)*.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 điều 99 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Hữu N phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Phiên tòa kết thúc cùng ngày, bị cáo; đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên.
- VKSND h.Mường Ảng
- Công an h.Mường Ảng
- Chi cục THADS h.Mường Ảng
- Bị cáo
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Văn Phương
(Đã ký)